

**Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma**  
**Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA**

**Bài học ngày 4.10.2022**

---

**ĐÃ Ở RỪNG KHÔNG NÊN RỪNG RÚ**  
**Kinh Các Căn Phóng Túng (Pākatindriyasuttaṃ)**  
CHƯƠNG IX. TƯƠNG ƯNG RỪNG (S. i, 203)

*Chọn lựa trú xứ ở rừng vắng chỉ thật sự lợi lạc cho đời sa môn nếu sinh hoạt hằng ngày có sự thúc liễm thân tâm. Trong ngôn ngữ cô đọng nhất mô tả về sự tu tập đó là phòng hộ các căn. Không thu thúc sáu căn thì dẫn đến thất niệm, giao động, và lối sống bất xứng. Thời buổi nào, ngay cả khi Đức Phật trụ thế, vẫn có nhiều cá nhân trong Tăng chúng sống buông thả dù đã từ bỏ gia đình ngay cả dù đã chọn lựa nếp sống ẩn tu trong rừng. Những trôi sụt trong cuộc tu là bản chất tự nhiên của chúng sanh. Thật may mắn cho những ai có được sự nhắc nhở, có được bạn lành, và có được sự cảnh tỉnh trong những lúc cần nhất.*



**Kinh Văn**

**Ekam samayaṃ sambahulā bhikkhū kosalesu viharanti aññatarasmim vanasaṇḍe uddhatā unnaḷā capalā mukharā vikiṇṇavācā muṭṭhassatino asampajānā asamāhitā vibbhantacittā pākatindriyā. Atha kho yā tasmim vanasaṇḍe adhivatthā devatā tesam bhikkhūnaṃ anukampikā atthakāmā te bhikkhū saṃvejetukāmā yena te bhikkhū tenupasaṅkami; upasaṅkamtivā te bhikkhū gāthāhi ajjhabhāsi –**

Một thuở có nhiều tỳ khuru trú tại một khu rừng trong xứ Kosala. Những vị này phóng túng, kiêu mạn, ồn ào, lảm lời, thất niệm, không định tĩnh, giao động, không phòng hộ các căn.

Rồi một vị Thiên trú ở khu rừng trác ần với các vị tỳ khuru, muốn cảnh tỉnh và mang lại lợi lạc cho chư vị ấy liền đi đến, nói lên kệ ngôn:

**“Sukhajīvino pure āsum, bhikkhū gotamasāvakā;  
Anicchā piṇḍamesanā, anicchā sayanāsanam;**

**Loke aniccatam ñatvā, dukkhassantam akaṃsu te.**

**“Dupposam katvā attānaṃ, gāme gāmaṇikā viya;  
Bhutvā bhutvā nipajjanti, parāgāresu mucchitā.**

**“Saṅghassa añjaliṃ katvā, idhekacce vadāmahaṃ;  
Apaviddhā anāthā te, yathā petā tatheva te.**

**“Ye kho pamattā viharanti, te me sandhāya bhāsitaṃ;  
Ye appamattā viharanti, namo tesam karomaha”nti.**

“Xưa Tăng Chúng an lạc  
Đệ tử Đức Cồ Đàm  
Vô cầu, đi khát thực  
Vô cầu, trú tịnh am  
Biết thế gian vô thường  
Họ tu đoạn tận khổ.

“Giờ (một số tỳ khuru)  
Quan liêu như trưởng làng  
Cuộc sống khó cung phụng  
Ăn, lại ăn, nằm dài  
Thất niệm ở nhà người.

“Chấp tay lễ Tăng chúng  
Con chỉ nói vài vị  
Đọa lạc, tự đào thải  
Sống mà như đã chết  
Với những vị tinh cần  
Con nhất tâm kính lễ.

Các tỳ khuru ấy bừng tỉnh khi được vị thiên nhắc nhở.



**“Sukhajīvino pure āsum = Lúc trước sống an lạc  
bhikkhū gotamasāvaka = chư tỳ khuru đệ tử Đức Gotama  
Anicchā piṇḍamesanā = đi khát thực mà tham cầu**

**anicchā sayanāsanam** = sử dụng trú xứ mà không tham cầu  
**Loke aniccatam ñatvā** = biết được sự vô thường ở thế gian  
**dukkhassantam akamsu te** = Họ tu đoạn khổ đau

“**Dupposam katvā attānam** = biến mình thành người khó nuôi  
**gāme gāmaṇikā viya** = giống như hương cả trong làng  
**Bhutvā bhutvā nipajjanti** = ăn, lại ăn, rồi nằm  
**parāgāresu mucchitā** = hành xử vô ý thức ở nhà người khác

“**Saṅghassa añjalim katvā** = chấp tay đánh lễ Tăng chúng  
**idhekacce vadāmahaṃ** = con chỉ nói một số vị ở đây  
**Apaviddhā anāthā te** = những vị không phòng hộ, tự đào thải  
**yathā petā tatheva te** = sống như người đã chết

“**Ye kho pamattā viharanti** = Với những vị sống buông thả  
**te me sandhāya bhāsitaṃ** = con muốn nói về những vị ấy  
**Ye appamattā viharanti** = đối với những vị sống tinh cần  
**namo tesam karomaha”nti** = con chí thành đánh lễ



### Thích nghĩa

*Không phòng hộ các căn là ý chính trong sự mô tả về lối sống thiếu tu tập của chư vị tỳ khuru. Phòng hộ các căn không chỉ là sự tu tập mà còn là một trong bốn thanh tịnh giới mà chư vị xuất gia đệ tử Phật tuân thủ. Mặc dù thu thúc thanh tịnh giới không đi vào từng chi tiết nhưng một vị tỳ khuru đúng nghĩa phải hiểu sự ứng dụng trong cuộc sống thế nào.*

*Vị thiên trong bài kinh này dù có những lời cảnh tỉnh có tính cách “trung ngôn nghịch nhĩ” nhưng vẫn giữ sự tôn kính đối với Tăng bảo nói chung. Đây là cung cách tế nhị mà những cư sĩ với tinh thần xây dựng nhắc nhở hàng xuất gia khi cần thiết.*

*Câu parāgāresu mucchitā – hành xử vô ý thức ở nhà người khác – ám chỉ khi các vị tỳ khuru này tới nhà những cư sĩ thiếu chánh niệm, quên bản thân là những sa môn.*

*Trong một số bài kinh, như bài kinh này hay một bài kinh khác trong Trung Bộ do nhị vị thượng thủ thỉnh văn thuyết giảng, thì những vị sống ở rừng không nhất thiết là luôn tốt đẹp hơn những vị sống trong các tu viện. Không nên lấy hình thức làm chuẩn mực mà phải xem thực chất thế nào. Trong tâm ở đây là nếp sinh hoạt có ý thức phòng hộ các căn.*

*Tỳ khuru Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình*

### **13. Pākatindriyasuttam [Mūla]**

233. Ekaṃ samayaṃ sambahulā bhikkhū kosalesu viharanti aññatarasmim vanasaṇḍe uddhatā unnaḷā capalā mukharā vikiṇṇavācā muṭṭhassatino asampajānā asamāhitā vibbhantacittā pākatindriyā. Atha kho yā tasmim vanasaṇḍe adhvattā devatā tesam bhikkhūnaṃ anukampikā atthakāmā te bhikkhū saṃvejetukāmā yena te bhikkhū tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā te bhikkhū gāthāhi ajjhabhāsi –

“Sukhajīvino pure āsum, bhikkhū gotamasāvaka;  
Anicchā piṇḍamesanā, anicchā sayanāsanam;  
Loke aniccatam ñatvā, dukkhassantam akamsu te.

“Dupposam katvā attānam, gāme gāmaṇikā viya;  
Bhuvā bhuvā nipajjanti, parāgāresu mucchitā.  
“Saṅghassa añjalim katvā, idhekacce vadāmaham;  
Apaviddhā [apaviṭṭhā (syā. kam.)] anāthā te, yathā petā tatheva te.

“Ye kho pamattā viharanti, te me sandhāya bhāsitam; Ye appamattā viharanti, namo tesam karomaha”nti.

Atha kho te bhikkhū tāya devatāya saṃvejitā saṃvegamāpāduntī.

### **13. Pākatindriyasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]**

233. Terasamaṃ devaputtasamyutte jantudevaputtasutte vitthāritameva. Terasamaṃ.